

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 354/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa
chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Ông Đỗ Quang Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; căn cước công dân số 036181015703; nơi đăng ký thường trú: Đ11P14, phường VM, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 25 đường TTK, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc A, sinh năm 1965; căn cước công dân số 036065034556; nơi cư trú: Số nhà 25 đường TTK, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10-7-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Ngọc A chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến ngày 20-9-2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường VM, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ngọc A có tính

gia trưởng, thường xuyên chửi thậm chí sử dụng bạo lực với chị vì những chuyện nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị thường chịu đựng, không dám góp ý với anh vì sợ lại bị anh đánh. Nhiều lần sau khi đánh chị thì anh Ngọc A cũng đã xin lỗi chị nhưng chỉ được một thời gian ngắn, cho đến nay anh cũng vẫn không sửa đổi được. Từ khi nộp đơn ly hôn chị đã không ở cùng anh Ngọc A mà đi thuê nhà khác để ở vì sợ bị anh Ngọc A đánh. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Ngọc A.

- Về nuôi con chung: Chị và anh Bùi Ngọc A có 02 con chung là Bùi Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-5-2012 và Bùi Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-10-2016. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Ngọc H, anh Bùi Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Yến N. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 24-7-2023, biên bản hòa giải ngày 27-7-2023 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Ngọc A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị Nguyễn Thị N trình bày. Do tính cách của anh nóng nảy nên đôi lúc nói nặng lời và sử dụng bạo lực với chị Nguyễn Thị N. Anh đã nhận thức được hạn chế, khuyết điểm của bản thân và hứa sẽ thay đổi, tôn trọng chị N hơn. Anh không đồng ý ly hôn và mong muốn chị N cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy các con khôn lớn.

- Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Nguyễn Thị N trình bày. Nếu ly hôn, anh nhất trí với ý kiến của chị N: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Ngọc H; anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Yến N. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24-7-2023, chính quyền địa phương nơi chị N và anh Ngọc A sinh sống cung cấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VM, thành phố ND vào ngày 20-9-2013. Chị N và anh Ngọc A có 02 (hai) con chung là Bùi Yến N, sinh ngày 09-5-2012 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 18-10-2016. Quá trình chung sống, chị N và anh Ngọc A có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chưa thông cảm, chưa hiểu nhau. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại đơn đề nghị ngày 27-7-2023, cháu Bùi Yến N trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A. Về nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Bùi Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-10-2016, anh Bùi Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Bùi Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-5-2012. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Ngọc A, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Bùi Ngọc A không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường VM, thành phố ND, tỉnh Nam Định vào ngày 20-9-2013. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cả anh Ngọc A và chị N đều khai do anh Ngọc A nóng tính và đã nhiều lần sử dụng bạo lực với chị N dẫn đến việc chị N sợ và đã thuê nơi khác để ở. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, xử lý hôn nhân giữa chị N và anh Bùi Ngọc A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A có hai con chung là Bùi Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-5-2012 và Bùi Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-10-2016. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A thỏa thuận: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Bùi Ngọc H, anh Bùi Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Bùi Yến N. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét sự thỏa thuận của chị N và anh Ngọc A về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí Dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày

18-10-2016; anh Bùi Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 09-5-2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000210 ngày 07-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND.

5. Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND;
- Chi cục Thi hành án thành phố ND;
- UBND phường VM, TP. Nam Định (số 51 ngày 20-9-2013);
- UBND phường MX, TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh

